BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ XÃ HỘI BỀN VỮNG: QUAN NIỆM PHẬT GIÁO Ở THỜI HIỆN ĐẠI

Arpita Mitra(*)

Trong thế kỷ 21, vai trò của người phụ nữ trong Phật giáo đã được khắc họa qua nhiều lăng kính. Trong thời hiện đại, phụ nữ đang cạnh tranh với đàn ông trong mọi lĩnh vực đã hình thành nên sự bình đẳng ở cả nam và nữ. Bình đẳng giới là điều cần thiết để đảm bảo rằng tất cả đều có thể đóng góp hoàn toàn trong công việc, gia đình và trong cộng đồng để cải thiện nền kinh tế và xã hội nói chung. Đàn ông và phụ nữ được ví như một chiếc xe đẩy. Một bánh xe không thể di chuyển về trước nếu bánh xe này nhỏ hơn bánh xe kia. Ấn Độ là xã hội do đàn ông làm chủ. Phụ nữ phải chịu sự kiểm soát từ gia đình và người chồng. Họ phải được cha mẹ chăm nom từ nhỏ, khi còn trẻ thì chịu sự bảo hộ của người chồng và khi về già họ phải chịu sự kiểm soát của con trai. Bức tranh về những người phụ nữ Ấn Độ thể hiện sự điềm đạm trước sự ra đời của Đức Phật. (Goyal, 1987:292-98). Trong bối cảnh đó, Phật giáo mang tới cơ hội cho những người phụ nữ có thể rời bỏ gia đình và tìm kiếm sự cứu rỗi cho cá nhân họ, quả thực là một cuộc cách mạng. Vì vậy, người ta có thể thấy được rằng, tất cả các hình thức phân biệt đối xử thực dụng đã được loại bỏ, nhưng khát vọng bình đẳng giới, bất chấp sự hạn chế của thời đại, một số lượng lớn phụ nữ đạo Phật được phép xuất gia trong Dòng Phật giáo . Trong thời kỳ đầu, cả nam và nữ đều là những nhà hảo tâm nổi bật cho những ngôi đình, hang động và các bức tượng. Bhikkhunīs và Upāsikās cũng tham gia quyên góp cho những hình tượng Phật Giáo đầu tiên. Ở Sri Lanka, mười trong số những bản khắc đầu tiên của Brāhmī (thế kỷ thứ

*. PhD Research Scholar, Department of Pāli, University of Calcutta, India. Người dịch: Vân Lê

III Trước Công Nguyên đến Thế kỉ I trong Công Nguyên) được biên tập bởi Paranavitana ghi lại việc quyên tặng các hang động cho các khất sĩ (bhikkhunīs) với gần 300 khất sĩ nam (Paranavitana 1970: cv-cvi). Có nhiều bản khắc từ Sāñcī, Bhārhut, Kaṇheri, Kārle, Kuḍa, Nāsik, Pauni, Amrāvātī và Mathurā cho thấy các nữ tu sĩ là những nhà quyên góp chính tại các di tích đầu tiên. Gregory Scopchen đã tính được tại Sāñcī có 129 sư thầy và 125 ni cô, Bhārhut có 16 nữ tu và 26 thầy tu, Amrāvātī có 12 nữ tu. (Scophen, 1988-89: 164). Ngay cả tại Nāgārjunakoṇḍa ở Andhra Pradesh, nữ giới từ các gia đình hoàng tộc chính là những nhà hảo tâm nổi bật nhất. (Chaudhury, 1982: 229-232). Chữ khắc thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên đến thế kỷ thứ 3 cho thấy các nữ tu đóng vai trò tích cực trong việc dựng lên những ngôi đình và đền thờ. Các nữ hoàng và các bà mẹ đóng một vai trò quan trọng, và nếu không có sự tham gia của họ, các di tích Bhikkhunīs Upāsikās sẽ bị ít đi rất nhiều.

Ở Ấn Độ cổ đại, vai trò của người phụ nữ có vẻ không mấy hạnh phúc. Những người phụ nữ bị lãng quên trong xã hội của thời kỳ Phật Giáo. Họ không có ý chí tự do. Họ bị giới hạn trong bốn bức tường của chính gia đình mình. Sayutta Nikāya (Samyutta, 86) liên hệ rằng vua Kosala Pasenadi không vui khi nữ hoàng Mallikā sinh hạ một bé gái. Đức Phật an ủi ông bằng cách nói rằng con gái sinh ra những người đàn ông cao quý bảo vệ thế giới. Nhưng không thể bác bỏ rằng xu hướng chung của mọi người là sinh con trai đầu lòng. Bên cạnh thể chất yếu đuối, nữ nhi cũng không thể đưa ra các quyết định cho Phật quả. Những cô gái ấy phải cố gắng trở thành nam nhi và sau đó sẽ đủ điều kiện nhận Phật quả. (Barua, 1997: 65). Karma Lekshe Tsomo đã có bài phát biểu tại Hội nghị Phật giáo toàn cầu năm 2006 tại Perth; bà đã có bài phát biểu về sự bình đẳng giữa nam và nữ trong Phật giáo. Theo truyền thống của Theravada, bà nói, phụ nữ bình đẳng có cơ hội được giải thoát khỏi luân hồi và được phép trở thành *A La Hán (arhats)*, giác ngộ, nhưng không có cơ hội bình đẳng để xuất gia. Ở phái Đại thừa, có một sự chênh lệch về bình đẳng, bởi vì khi trở thành một vị Phật giác ngộ hoàn toàn, người đó phải là đàn ông, một ý tưởng xuất phát từ *Kinh Pháp Hoa*. Vimaladattā Sūtta cho thấy rằng một người phụ nữ tên là Vimaladattā, nhờ vào tu hạnh đại nguyện của bà mà đạt được Phật quả, hóa thân thành một người đàn ông. Đức Phật ngưỡng mộ người. Ngài nói rằng Vimaladattā đã tu thành chánh quả và giác ngộ được

một số đạo của đại niệm Bồ Tát và thậm chí là Mañjusrī trước đó. Giả định về sự biến đổi thể xác được đề cập trong nhiều văn bản khác, như Vimaladattā Paripṛcchā, Mahāratnakūṭa Sūtta, Sumati dārikā Paripṛcchā, Stirīvivarta vyākaraṇa, Aśokadattā. Nhưng không có văn bản nào trong số này đưa ra bằng chứng về sự bất công bằng cảm tính. Học thuyết tathāgatagarbha (Phật tính) bao gồm cả những ý niệm cơ bản nghĩa là chỉ một người sinh ra đã là nữ giới mới có thể tu được Phật quả. Khái niệm biến đổi xác thịt để giác ngộ dường như là một chiến lược mà sau cùng dẫn đến một học thuyết về sự giác ngộ trong cơ thể của người phụ nữ. Nhưng Đức Phật đã lưỡng lự khi cho phép việc này vì ông ý thức được việc duy trì sự thanh tịnh trong giới tăng đoàn. Trên toàn thế giới đã chứng minh rằng cực kỳ khó khăn để có được cuộc sống trong sạch và thánh thiện trong khi đàn ông và phụ nữ ở gần nhau. Trong một vài bài kinh, Đức Phật khuyên mọi người nên tôn trọng mẹ, vợ, con gái của họ. Ông không khuyến khích chế độ đa thê và cố gắng nhấn mạnh lợi ích của việc giới hạn đối với một người vợ. Lý do chính để từ chối yêu cầu đầu tiên của các ni sư là vì ngài quan ngại đến sự an toàn của nữ giới. Therī Uppalavaṇṇā đã phải đối mặt với tình trạng bi thảm của sự quấy rối tình dục. *Bài tường thuật của Dhammapada* (Dhp-Ath, 178) ghi chép rằng Uppalavaṇṇā trở về và nằm xuống giường nghĩ ngơi, rồi em họ của bà Ānanda đang núp trong túp lều của bà tại Andhavana, đột nhiên xuất hiện và cưỡng hiếp bà. Từ đó trở đi theo lệnh của Đức Phật, các ni cô bị cấm sống trong rừng. (Vin, III: 35) Therigāthā cho thấy sự nhẹ nhõm có được bởi những người phụ nữ phải đối mặt với nhiều bạo lực gia đình. Trong một vài bài kinh, Đức Phật khuyên mọi người nên tôn trọng cha mẹ mình. Từ các quy tắc cơ bản của Phật giáo gọi là năm giới (Pañcasīla), hay gọi là hành vi sai trái nhục dục. Đức Phật ở Sigālowāda Sutta ngưỡng mộ Upasikas(cư sĩ), những người tôn trọng vợ của họ, và cung cấp cho phật giáo nhu yếu phẩm. Vào thế kỷ thứ 6 Trước Công Nguyên, ý thức của Đức Phật về bình đẳng giới và bạo lực đối với phụ nữ là một hiện thực tuyệt vời. Lịch sử ghi lại rằng phụ nữ Sri Lanka cổ đại đã chứng minh tài năng của họ trong giảng dạy, ngành giáo dục và ngành y tế khi các y tá và phụ nữ tham dự đã đóng góp đáng kể cho ngành nông nghiệp và thương mại của đất nước. Sự thật nổi bật nhất là, họ đã được trả với mức thù lao và địa vị xã hội tương tự như nam giới. (Indrani, 35-48.) Vì vậy, có tám quy tắc chính được gán vào người phụ nữ trước khi kết nạp vào Dòng. Những quy tắc này đã đặt

phụ nữ vào vị trí hạ cấp. Mặc dù điều kiện khó khăn như vậy, phụ nữ chấp nhận tất cả vì khao khát được hiểu biết và giải phóng của họ là rất lớn. Trong thời kỳ hiện đại, nhiều phụ nữ Phật giáo thông qua sự kiên trì và đàm phán khéo léo, nhiều phụ nữ đã tham gia khóa tu và các hoạt động Phật pháp khác. Những người phụ nữ này cũng tham gia vào việc cố gắng truyền bá các hoạt động Phật pháp, phụ nữ vẫn thua xa đàn ông về số lượng và sự phát triển nhưng tình hình đang dần cải thiện theo cách riêng của họ. Các lớp tu dưỡng và Phật pháp của phụ nữ trên toàn thế giới ngày nay được dẫn dắt bởi những người phụ nữ tận tụy này. Nữ phật tử từ thành thị đến nông thôn dù họ được giáo dục, mù chữ, giàu hay nghèo, những nữ tăng này đều rất quan tâm đến việc tìm hiểu thêm về Phật Pháp và phát triển sự hiểu biết của họ thông qua thiền định và suy tư. Phụ nữ ở thành thị đạt được mục tiêu của mình từng ngày, nhưng ở phía bên kia, những nữ phật gia Tai Phake thuộc Assam đang phải đối mặt với nhiều vấn đề tâm lý, kinh tế, phân biệt giới tính và bạo lực gia đình do của hồi môn hay vì một số lý do khác. Ngay cả bây giờ cả nam và nữ đều mặc trang phục truyền thống khi đến những nơi tôn nghiêm cũng như là trong bất kỳ lễ hội nào. Tai Phake bị ảnh hưởng bởi hiện đại hóa trong nhiều khía cạnh khác nhau như kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa. Trình độ học vấn ngày càng cao. Nữ Phật tử ở Tai Phake ngày nay đã đạt được mục tiêu của họ trong mọi lĩnh vực, và xã hội của những người phụ nữ đã không còn bị bỏ bê.

Phụ nữ nên có nhiều cơ hội giáo dục hơn bất cứ khi nào trong lịch sử. Phật giáo đóng vai trò trong việc duy trì bất bình đẳng giới trong giáo dục. Mục đích của giáo lý Phật giáo là giáo dục nam hay nữ để vượt qua khổ đau hay thống khổ. Vì vậy, bước đầu tiên là nhấn mạnh vào các cơ hội được giáo dục bình đẳng cho phụ nữ. Sau đó, các cơ hội bình đẳng trong giáo dục, chức vị và phát triển kinh tế sẽ gần như mang lại nhiều thay đổi cho phụ nữ. Theo Đức Phật, tất cả chúng sinh đều có tiềm năng giác ngộ như nhau. Nhưng các nữ Phật tử ngày nay lại năng động hơn trong công nghệ và chúng ta nên hỗ trợ họ, những người sử dụng công nghệ đó để giải quyết các vấn đề bao gồm bạo lực đối với phụ nữ, trao quyền chính trị, giáo dục, thuyết pháp và chăm sóc sức khỏe ở những vùng xa xôi và hẻo lánh. Sáng kiến công nghệ sẽ đạt được không gian trực tuyến an toàn hơn cho phụ nữ và trẻ em gái hoặc phụ nữ tổ chức quyền, để nâng cao quyền của phụ nữ về thiết kế và định hình công nghệ cho lãnh đạo ở các nước phía đông và

phía tây.

Trong xã hội đương đại, phụ nữ trong thế giới Phật giáo thường đảm nhận vai trò phục tùng hơn bất kỳ đối tác nam nào khác. Vì vậy, hiện tại phụ nữ nên được trao quyền thực hành và đạt được sự khai sáng, bất kể nền tảng hay quốc tịch của họ. Các nhà sư như Bhikkhu Bodhi, Bhikkhu Analayo, và Hòa thượng Ajahn Brahm trong số nhiều người khác, các Tỳ kheo cũng đảm bảo với chúng ta rằng phụ nữ xuất gia sẽ phù hợp với Vinaya và không gây hại cho Phật giáo. Những người phụ nữ xuất gia đầu tiên Mahāpajāpati Gotami nhưng Hòa thượng nanda đã ủng hộ bà và cũng là năm trăm phụ nữ Sākya. Đức Phật đặt ra tám quy tắc có thể là do một số yếu tố tôn giáo-xã hội thịnh hành ở Ấn Độ thời đó. Do đó, mối quan hệ giữa bhikkhu và bhikkunis sẽ giống như giáo viên và học sinh. Theo quy định, giáo viên nên có một số quyền và đặc quyền để hướng dẫn học sinh. Đức Phật thông cảm và yêu thương phụ nữ không biết ràng buộc. Lịch sử cho thấy ông là ân nhân lớn nhất của phụ nữ thậm chí sinh ra ở Ấn Độ. Đức Phật giữ cho con đường của mình mở ra cho tất cả các tầng lớp phụ nữ, kết hôn, chưa lập gia đình, nô lệ, góa phụ và thậm chí cả những người tán tỉnh. Phật giáo thông báo tất cả mọi người đều bình đẳng về nhân phẩm và quyền được xem xét một cách trung lập như đẳng cấp, màu da, chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính, v.v ... Phật giáo không công nhận quyền và tự do cho nam giới mà không thể mở rộng cho nữ giới. Thật vậy, do người phụ nữ Thergāthā sinh ra thực sự được hưởng một vị trí tự do trí tuệ cao hơn theo Phật giáo, nhờ đó có thể đạt được sự tiến bộ về tinh thần trên cơ sở bình đẳng. Đức Phật mô tả phụ nữ là một trong bảy viên ngọc (Samyutta, 1960: 83). Mahāpajāpatī đã thành công trong việc thành lập bhikkhunī Saṅgha và khéo léo dẫn dắt sự phát triển của nó cho đến khi bà qua đời. Mahāpajāpatī và những người theo bà đã giải thoát mình khỏi những vai trò được đề nghị đã phân bổ chúng. Họ rạo rực tạo ra những con đường mới cho phụ nữ cả về mặt cá nhân và xã hội. Thay vì bị giới hạn trong các vai trò phụ nữ được mong đợi của vợ và mẹ, hàng ngàn phụ nữ vào thời Đức Phật trở thành người tìm kiếm, nhiều người trong số họ đã được Đức Phật công nhận là mô thức xuất sắc của chứng tâm linh. Một cô con gái của một thương gia giàu có, Sujātā, người đã dâng một bát sữa gạo cho kẻ bị ruồng bỏ và gầy cọc, Siddhartha và là người đã duy trì niềm tin với Đức Phật của Siddhartha trong những ngày

quan trọng dẫn đến sự giác ngộ cuối cùng của ông, bà là một trong những người phụ nữ đầu tiên bước vào con đường mới dẫn đến sự giải phóng. Hàng ngàn phụ nữ đã trở thành những vị thần đáng kính và được chính Đức Phật công nhận vì những thành tựu phi thường của họ: Uppalavaṇṇa và Patācāra vì kỷ luật xuất sắc của họ, Khemā vì sự thông thái tuyệt vời của bà, Dhammadinnā vì sự thành thạo trong việc truyền Pháp của bà, Nada vì những cống hiến, và Sona vì nghị lực quyết tâm, và cứ như vậy. Không chỉ các nữ tu mà cả Upāsikās(nữ phật gia) nổi tiếng cũng được Đức Phật công nhận. Visākhā (Kassapa, 306- 310). Cô con gái ngoan đạo của một người đàn ông giàu có trở nên nổi tiếng vì sự hào phóng đặc biệt với Sangha(giới phật tăng). Từ những phẩm chất nổi bật và thành tựu tâm linh của những người phụ nữ xuất chúng, Đức Phật bắt đầu thách thức những quan điểm cổ hũ về người phụ nữ như là đối tượng cho sự thất bại và loại bỏ. Câu chuyện về những người phụ nữ nổi tiếng này, lòng dũng cảm đã chịu đựng hai mươi lăm trăm năm kể và đã mang lại ý nghĩa và sự khích lệ đáng kể cho hàng triệu phụ nữ trong các thế hệ đi theo. Các sắc lệnh của Bhābrū và Schism Trụ cột của Asokā đề cập đến các Tỷ-kheo và Tỳ-kheo cũng mạnh mẽ như nhau trong vấn đề hiệp nhất hoặc chia rẽ trong Hội huynh đệ Phật giáo. (Barua, 1997: 75). Trong thời kỳ đương đại, nữ phật tử ở Mỹ có thể tiến bộ hơn về chất lượng so với các đồng nghiệp của họ tại Anh, họ thích học Pháp với các bhikhus(khất sỹ nam), nhưng bhikhus cũng muốn học hỏi từ các bhikkhuns(khất sỹ nữ). Sau đó, các Tỳ kheo đã mời Amaravati và Chithurst Siladhara thành lập một tu viện đào tạo cho các nữ tu ở Hoa Kỳ. Sau đó, các vị Tỳ kheo như Bhikkhu Bodhi, Bhikkhu Analayo, và Bhikkhu Sujato đã đàm đạo về sự ủng hộ của họ. Thông qua công việc của Karma Lekshe Tsomo, nhiều nữ Phật tử được xuất gia, được giáo dục và việc làm tốt hơn. Nữ Phật gia theo mô hình vai trò của nam giới, và điều này cho thấy sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. Công việc nhân đạo đang được thực hiện ở châu Á bởi phụ nữ Phật giáo cho thấy có hy vọng cho xã hội bền vững tốt hơn.

Phát triển bền vững được định nghĩa là phát triển nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai. (Ủy ban thế giới, 43). Tầm quan trọng của kinh nghiệm giáo dục và văn hóa trong các chương trình giáo dục của họ, ví dụ,

về số lượng trường học ở Ấn Độ giáo dục số lượng bé gái và phụ nữ. Ấn Độ là một quốc gia đang trên con đường dần chiếm tới vị trí các quốc gia hàng đầu thế giới. Một trong những thách thức lớn nhất đối với sự phát triển sức mạnh này là giáo dục khoa học cho lượng dân số mà chủ yếu là dân số trẻ của đất nước này. Phần lớn dân số Ấn Độ vẫn sống trong điều kiện kinh tế. Trong hoàn cảnh như vậy, để các tổ chức giáo dục bắt kịp với những đổi mới khoa học và công nghệ là một thách thức của chính họ. Có những mệnh lệnh quốc tế được công bố rộng rãi thúc đẩy giáo dục cho phụ nữ và các em gái trong các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Giáo dục và Toán học (STEM), hiếm khi trong giáo dục STEM liên quan đến việc trao quyền cho các bhikkhun Phật giáo (những nữ tu). Giáo dục STEM thúc đẩy tất cả các cấp độ dạy và học nói riêng trong giáo dục đại học và cao đẳng, cho các nữ tu và người mới tu trong các lĩnh vực STEM. Nó coi giáo dục là một nhu cầu cơ bản của con người và nó đồng tình với Karma Lekshe Tsomo, một trong những người ủng hộ giáo dục của nữ tu Phật giáo Tây Tạng, rằng cơ hội giáo dục không thiên vị cho phụ nữ là quyền của con người. Nghiên cứu này coi giáo dục STEM là một loại giáo dục biến đổi dành cho việc giảm bớt thống khổ vật chất và xã hội trên thế giới. Giáo dục này giúp phụ nữ, bé gái đạt được mục tiêu tâm linh, phát triển bản sắc và trong các lĩnh vực STEM thì chuẩn bị cho các nữ tu về vai trò lãnh đạo không chỉ trong giáo dục khoa học mà trong các dự án cơ sở hạ tầng và bền vững. Ngày nay, hơn 160.000 bhikkhuniz của Phật giáo trên toàn thế giới đang hoạt động trong vô số những hoạt động, như là một biểu hiện về lời khấn tu của họ trên toàn thế giới. (Nghiệp, 2004, 342-366.)

Theo Phật giáo, tranh luận, không khoan dung và bất hòa nảy sinh từ ham muốn, hận thù và vô minh. Để phát triển sự tự tin, khoan dung và hài hòa, điều quan trọng là phải trau dồi các giá trị chung hoặc đạo đức phổ quát. Do đó, thúc đẩy giáo dục, đối thoại, phát triển kinh tế và xã hội sẽ dẫn đến sự phát triển hòa bình bền vững trên thế giới. Nghiên cứu thử nghiệm và khám phá văn hóa đạo Cơ đốc đã bắt nguồn bền vững trong các sáng kiến quốc tế để thúc đẩy nữ quyền và trao quyền. Nó khám phá ra quan điểm của Dalai Lama ở phương Tây, chương trình ngoại khóa về khoa học và sư phạm trong cộng đồng tu viện. Trong thế giới hiện đại, giáo dục STEM

được coi là công cụ trao quyền cho các bhikkhunī của Phật giáo. Là những chủ thể có đạo đức và đạo đức quan trọng trong việc thực hiện lời thề của họ để cải thiện các điều kiện tinh thần và vật chất cho tất cả chúng sinh. Đức Đạt-Lai Lạt-Ma từ khi ban hành một mệnh lệnh tiến bộ vào năm 1999 đã tích cực thúc đẩy giáo dục thế tục và giáo dục dựa trên khoa học trong cộng đồng tu viện.

Giáo dục STEM tích hợp kiến thức Phật giáo và phương Tây tại Saṅgha cũng như các tổ chức Phật giáo. Nghiên cứu này cho thấy sự ngoài lề lịch sử và tôn giáo của các bhikkhun vẫn tồn tại trong bối cảnh các chương trình và tài nguyên giáo dục khoa học. Nó hỗ trợ sự phát triển của các tổ chức và lãnh đạo Phật giáo bao gồm nhiều giới hơn vì nó hỗ trợ sử dụng hướng dẫn đạo đức và đạo đức Phật giáo để giải quyết gian lận và tham nhũng đặc hữu liên quan đến các dự án phát triển và cơ sở hạ tầng bền vững. Nghiên cứu này cũng được chứng minh dựa trên sự hiểu biết của Phật giáo về sự không trung thực như là một biểu hiện của lòng tham, thù hận và sự ảo tưởng. Giáo dục STEM rất quan trọng vì thế giới hiện đại của chúng ta phụ thuộc vào nó. Kinh tế, xã hội và sức khỏe nói chung - tất cả đều được hỗ trợ bởi khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh đạo tinh thần không thể chối cãi của Phật tử Himalaya, lên tiếng mạnh mẽ và liên tục vì sự bình đẳng tôn giáo, cá nhân và tán thành quyền của phụ nữ, bất kỳ sự phản kháng nào đối với ý tưởng cải thiện điều kiện cho các nữ tu thường được thể hiện theo những cách tinh tế hơn, như là sự thờ ơ với việc giúp đỡ. Năm 1998, Đức Đạt-Lai Lạt-Ma đã thúc đẩy cải cách giáo dục đối với giáo trình Phật giáo mà trong một số trường hợp đã không thay đổi trong nhiều thế kỷ. (Yee, 2009). Đức Đạt-Lai Lạt-Ma - chương trình Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD), một phần trong chiến lược của UNESCO cho thập kỷ (2005-2014), định nghĩa giáo dục cho sự phát triển bền vững là một quá trình học cách đưa ra quyết định xem xét tương lai lâu dài của nền kinh tế, sinh thái và công bằng của tất cả các cộng đồng. Các chương trình Giáo dục STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học) đặc biệt tập trung vào việc mang lại sựu tự tin, tinh thần đổi mới và các kỹ năng cần thiết để cạnh tranh trong lực lượng lao động cho phụ nữ và trẻ em gái. Giáo dục thế giới hiện nay sẽ là một cộng tác viên mạnh mẽ của các nữ tu Phật giáo. Những sáng kiến STEM tạo cơ hội cho các

bhikkhun của Phật giáo tôn vinh lời thề tu hành của họ để chăm sóc chúng sinh và cam kết tham gia vào thế giới ở các tỉnh kỷ luật không thể tiếp cận được với phụ nữ. Những sáng kiến này có thể báo trước một sự biến đổi của truyền thống giáo dục nữ tu sĩ và việc làm nhân đạo cũng như đánh giá lại các giáo lý cốt lõi của Phật giáo. Các sáng kiến giáo dục STEM dành cho các nữ tu Phật giáo, cũng như bồi dưỡng các nữ tu như các nhà lãnh đạo nhân đạo tích cực thực hành lòng từ bi trong bối cảnh phát triển bền vững của xã hội hiện đại.

Đó là nền tảng cho xã hội giáo dục trẻ em về sự bình đẳng của giới tính và bản chất có hại của sự phân biệt đối xử ở gia đình. Chúng tôi biết rằng gia đình là trường học đầu tiên và phụ huynh là giáo viên đầu tiên. Thực hành chánh niệm một phương tiện một cách khéo léo cho phép chúng ta đi dưới mức bề mặt của giây phút của chúng ta đến giây phút ta trải nghiệm cuộc sống. Nó cho phép nhìn thấy sự thật của những gì đang xảy ra bị che mờ bởi những cảm xúc, suy nghĩ theo thói quen. Chúng ta có thể phát triển chánh niệm thông qua thực hành thiền định chính thức. Thiền làm tăng nhận thức về đời sống tinh thần của một người có thể làm giảm thói quen cảm xúc và nhận thức. Thiền liên quan đến cơ thể với mục tiêu làm giảm tầm quan trọng của nó, lòng tốt yêu thương, nó thuộc về Tứ vô lượng -Āppamānas, cung cấp một chủ đề thiền định khác có ý nghĩa lớn cả về việc tiêu diệt sự nhạy cảm tiêu cực và thúc đẩy cảm xúc tích cực. (Nanamoli, 2010: 236-258). Trong thời đại hiện đại, thiền đã trở thành kỹ thuật thế tục chủ đạo quan trọng hơn ở phương Tây, phần lớn thoát khỏi nguồn gốc Phật giáo, nó không chỉ được sử dụng trong tâm lý trị liệu mà còn trong mọi lĩnh vực của xã hội từ giáo dục, thể thao, kinh doanh đến quân sự. (Kwee, 2006). Sự suy ngẫm về Thân xác (kāyānupassanā) là một trong mười Hồi ức và một trong Bốn nền tảng của chánh niệm (satipatthāna) liên quan đến việc quan sát và phân loại cơ thể đến ba mươi ba phần và các quá trình nó tập trung vào nhu càcầu hão huyền và có tính nhất thời của nó . (Nanamoli, 2010). Cơ hội để đào tạo và tham gia nghiên cứu nên dành cho tất cả các thành phần của xã hội, bao gồm các nhóm thiểu số, các lớp kém và các lớp lạc hậu về kinh tế.

Giáo dục hiện đại hầu như chỉ liên quan đến tâm trí, thực hành Dāna(chánh niệm). Chỉ khi nào chúng ta cống hiến nhiều hơn cho xã hội thì khi đó ta mới có thể thấy thực hành chánh niệm quan

trọng hơn việc nhận được. Chúng ta nên chia sẻ sự giàu có, tài năng, trí tuệ hoặc sự sáng suốt của mình. Phật giáo đóng góp có ý nghĩa trong việc giải phóng thế giới hiện đại khỏi bạo lực và áp bức; chúng ta nên đối đầu với nguyên nhân sâu xa của sự xấu xa, tham lam, tham lam và si mê trong xã hội. Đối với tất cả những điều này chúng ta nên thực tập chánh niệm. Con đường tám nhánh (bát chính đạo) bao gồm Lời nói đúng, Hành động đúng, Sinh kế đúng đắn, Nỗ lực đúng đắn, Chánh niệm, Tập trung đúng đắn, Chánh kiến và Chánh tâm - cuối cùng dẫn đến paññā (tuệ giác). đây là giai đoạn cuối của sự rèn luyện dần trong tâm trí. Chúng ta phải có được sự thanh thản bên trong cùng với sự hiểu biết về thực tế xã hội và cấu thành của bạo lực như là lợi ích thêm cho cả giải phóng cá nhân và tập thể. Giải phóng hoàn toàn là cả cá nhân và xã hội. Trong Phật giáo, yêu cầu quan trọng nhất để rèn luyện tâm trí là đạt được sự yên tĩnh (samatha), bản chất thực sự về thể chất tâm lý của một người, một kỹ thuật của sự hiểu biết . Nó trở thành một yếu tố không thể thiếu cho sự hiểu biết đúng đắn từ kiến thức trí tuệ. Tự nhận thức cũng có thể được sử dụng trên xã hội của chính mình, quốc gia, văn hóa và thậm chí cả Truyền thống Phật giáo của chúng ta.

Chánh niệm ủng hộ ý định theo từng khoảng khắc để không gây hại, trở nên tử tế và từ bỏ những suy nghĩ và hành động dẫn đến sự vô tâm. Không có ý định khôn ngoan và hiểu biết khôn ngoan, chánh niệm là vô mục đích. Sau đó chúng ta có thể cải biến xã hội của chúng ta hòa bình và bền vững hơn, một xã hội sẽ tràn đầy lòng tốt cho tất cả chúng sinh và sẽ không có bất kỳ sự bất bình đẳng nào. Đức Phật dạy rằng mọi người đều giống nhau và kinh Phật chứng minh rằng sự chuyển giới được sử dụng như một công cụ để thúc đẩy sự bình đẳng giữa các giới bằng cách sử dụng một người chuyển giới. Có thể nói giới tính là một khái niệm trần tục. The Vinaya (giới luật nguyên thủy) cho thấy các thành viên được vinh danh với thành tựu tâm linh cao cũng là người chuyển giới. Đức Phật rõ ràng chấp nhận một người vào cộng đồng tôn giáo ngay cả khi họ chuyển đổi giới tính. Tuy nhiên, Đức Phật nhìn xa hơn giới hạn sự gia trưởng và tính cá nhân cũng như sự phi thường. Mọi người đều có khả năng trở nên chứng ngộ để trở thành vị phật bất kể giới tính, tuổi tác, tầng lớp xã hội và chủng tộc. Đức Phật dạy rằng ai cũng đều bình đẳng với các đặc tính vật lý của một người, nó sẽ không

ảnh hưởng đến năng lực tâm trí của họ đối với pháp hoặc khả năng của họ để đạt được niết bàn. Giới luật Phật giáo được thiết kế để cải biến sự bình đẳng trong tâm trí một con người. Sẽ không có ích gì cho xã hội nếu hai người dù họ có giới tính khác nhau là quan hệ đồng tính nam, thẳng tính hay đồng tính nữ miễn là họ cư xử khéo léo với người khác. Do đó, Phật giáo làm rõ sự khác biệt giữa bản chất và biểu hiện, tiêu thụ bình đẳng Phật giáo. Một ý tưởng cốt lõi của Phật giáo khẳng định rằng bản chất cơ bản của tâm trí con người là vô tội và thuần khiết. Trí tuệ Phật giáo phân biệt giữa bản thể và biểu hiện, sáng suốt rằng tất cả chúng sinh đều bình đẳng về bản chất nhưng hiện diện dưới nhiều hình thức khác nhau như địa vị, hình dạng và màu sắc.

KẾT LUẬN

Ngày nay, phụ nữ đã chứng tỏ mình là phi thường. Họ đã xứng đáng với một vai trò lớn hơn và ngang bằng so với những người đàn ông với những công việc khó khăn và thậm chí vượt trội hơn đàn ông trong nhiều trường hợp. Phật tử gần như có những cơ hội bình đẳng về giáo dục, xuất gia và cơ sở vật chất cho các hoạt động tôn giáo. Trong các xã hội Phật giáo, phụ nữ thường được dạy để khiêm tốn và tự lập, nhưng các nhà sư có sức mạnh và tự do để nói ra và do đó có thể là những người ủng hộ tuyệt vời thay mặt cho các cơ hội bình đẳng cho họ. Trong khi phụ nữ phải có được tiếng nói riêng của họ, người khất thực cũng có thể rất hữu ích trong việc thay đổi thái độ xã hội đối với phụ nữ. Một trong những trở ngại lớn nhất mà phụ nữ Phật giáo gặp phải hiện nay là khả năng tiếp cận hạn chế của họ đối với giáo viên có trình độ và cơ sở giáo dục đầy đủ. Bất chấp sự bình đẳng giới trong các quan điểm riêng của Phật, trong thời đại sau này, quan điểm của Phật giáo về phụ nữ đã thay đổi dưới ảnh hưởng của các quy tắc và hệ thống xã hội có ảnh hưởng đến lợi ích của phụ nữ. Điều này dẫn đến những giáo lý này, chúng phải được loại trừ khỏi thánh địa. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự giao thoa giữa Phật giáo và nữ quyền là một lĩnh vực đang được quan tâm, thể hiện qua nhiều nghiên cứu được thực hiện trong những năm gần đây. Ở Ấn Độ, Phật giáo thấy tất cả con người đều bình đẳng về phẩm giá và quyền lợi bất kể sự cân nhắc như màu sắc, đẳng cấp, chủng tộc, tín ngưỡng, giới tính v.v ... Thượng Tọa Độ cho rằng phụ nữ thực sự thích tự do vào thời Đức Phật. Họ đã có thể đạt được sự tiến bộ về

tinh thần trên cơ sở bình đẳng. Những kỳ vọng bình đẳng hiện đại đòi hỏi đàn ông và phụ nữ phải có quyền tiếp cận bình đẳng với các tập tục Phật giáo và để những điều này có ý nghĩa ngang nhau. Phụ nữ đương đại đang thiết lập quyền truy cập bình đẳng vào các thành tựu lập thể, xây dựng con đường Phật giáo theo những cách nữ giới dễ nhận biết hơn. Thậm chí, cũng có nhiều lợi ích có thể có được từ việc công nhận sự bình đẳng của phụ nữ, bao gồm cả sự hỗ trợ lớn hơn cho Saṅgha (giáo hội) tự nhiên sẽ tích lũy cho người khất thực. Phụ nữ có thể giúp làm sống lại truyền thống bằng cách tận tâm tu dưỡng theo những cách mà sẽ làm khơi dậy đạo đức trong họ. Họ có thể đóng góp vào sự hồi sinh chung của sự thông thái của Phật giáo, và giúp giáo dục một thế hệ tín đồ Phật giáo, những người sẽ mở rộng cơ sở của các mô hình tâm linh và đạo đức. Cho phụ nữ một cơ hội bình đẳng là hết lòng khuyến khích họ trong các giáo lý và thực hành thiền định. Nó có thể có nhiều kết quả có lợi. Một người phụ nữ được nuôi dưỡng tinh thần có khả năng tư vấn cho các gia đình, thiền định tranh chấp, tồn tại trong các cộng đồng an toàn, thiết lập các chính sách công đồng và xây dựng một xã hội bền vững thông qua việc thực hiện các giá trị của Phật giáo về lòng khoan dung và từ bi.